

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 99/2021/DS-GĐT

Ngày: 30-11-2021

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Các thành viên: Ông Vũ Minh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Anh Lương Thanh Th, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn A, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

1.2. Anh Nông Văn T, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn Tr, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1969;

2.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977;

Đều cư trú tại: Thôn Tr, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Đào Thị B1, sinh năm 1958; cư trú tại: Phố C, thị trấn C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3.2. Bà Nông Thị T1, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn A, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1987;

3.4. Ông Nguyễn Hữu Ng1, sinh năm 1956;

3.5. Bà Nguyễn Thị Ng2, sinh năm 1974;

3.6. Ông Đỗ Hồng Th1, sinh năm 1963;

Đều cư trú tại: Thôn Tr, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3.7. Ủy ban nhân dân xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Ph - Cán bộ địa chính xã Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2017).

3.8. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Qu - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, tỉnh Bắc Giang (theo văn bản ủy quyền số 974/UBND-VP ngày 06/9/2017).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/8/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lương Thanh Th và anh Nông Văn T trình bày:*

Ngày 10/6/2014, anh Lương Thanh Th và anh Nông Văn T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu Ng1 diện tích 1.579m<sup>2</sup> đất, thửa số 354, tờ bản đồ số 21, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang, được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/8/2014 mang tên anh Nông Văn T, anh Lương Thanh Th. Thửa đất có nguồn gốc do ông Ng1 được chia theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang trong vụ án ông Nguyễn Hữu Ng1 ly hôn với bà Đào Thị B1.

Năm 2016, ông Lê Văn B chôn cột bê tông và xây tường bao lần chiếm diện tích 188m<sup>2</sup> đất của anh Th, anh Tuấn, Ủy ban nhân dân xã Đ đã lập biên bản nhưng ông B không chấp hành.

Vì vậy, anh Lương Thanh Th và anh Nông Văn T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V phải trả lại diện tích đất lần chiếm 188m<sup>2</sup> đất nêu trên.

*Bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V trình bày:* Ngày 14/4/2010, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của bà Đào Thị B1 thửa số 354<sup>1</sup> diện tích 1.192,5m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 992,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 mang tên ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V. Thửa đất có nguồn gốc do bà B1 được chia theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; ngoài ra còn có diện tích 50m<sup>2</sup> đất hành lang mà bà B1 được chia theo Bản án hôn nhân gia đình, nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà với bà B1 được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; quá trình sử dụng đất của gia đình ông, bà không tranh chấp. Năm 2016, anh Lương Thanh Th và anh Nông Văn T mới nhận chuyển nhượng thửa đất của ông Ng1 và cho rằng ông, bà lấn chiếm đất. Do đó, ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh Th, anh Nông Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị T1 trình bày:* Chị là vợ của anh Lương Thanh Th, chị thống nhất với trình bày của anh Th, anh Nông Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ng trình bày:* Chị là vợ của anh Nông Văn T, chị thống nhất với trình bày của anh Tuấn, anh Lương Thanh Th.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Ng1 trình bày:* Ông và bà B1 kết hôn năm 1980, ly hôn năm 2008. Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/HNGĐ-PT ngày 24/7/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã chia cho ông quản lý, sử dụng diện tích 1.683m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 1.433m<sup>2</sup> đất vườn, 50m<sup>2</sup> đất hành lang); chia cho bà Đào Thị B1 quản lý, sử dụng diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 980m<sup>2</sup> đất vườn, 50m<sup>2</sup> đất hành lang).

Ngày 28/8/2008, ông và bà B1 được giao tài sản theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự. Sau đó, do nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sai sót, phải đính chính lại; sau khi đính chính, chỉnh lý, phần đất ông được chia có diện tích 1.579m<sup>2</sup>.

Năm 2010, ông B nhận chuyển nhượng thửa đất của bà B1 được chia, giữa ông và ông B đã có thỏa Th miêng về ranh giới đất với nội dung: Thửa đất số 354 của ông được xác định theo đúng như sơ đồ Bản án hôn nhân gia đình của

Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp cho bà B1.

Năm 2014, ông đã chuyển nhượng toàn bộ thửa số 354 diện tích 1.579m<sup>2</sup> nêu trên cho anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ng2 trình bày:* Bà kết hôn với ông Nguyễn Hữu Ng1 năm 2008. Trước khi kết hôn, ông Ng1 có tài sản là thửa đất số 354, tờ bản đồ số 21, xã Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà canh tác trên đất nhưng ông Ng1 không nhập tài sản riêng là thửa đất này vào tài sản chung của vợ chồng. Bà không có ý kiến gì về việc ông Ng1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 354 là tài sản riêng của ông Ng1 cho anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị B1 trình bày:* Bà thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Hữu Ng1 về việc đã được phân chia đất theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/HNGĐ-PT ngày 24/7/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi chỉnh lý lại diện tích đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 của bà và ông Ng1, bà được tách diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 992,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 37,5m<sup>2</sup> đất hàng lang) thuộc thửa số 354<sup>1</sup>, tờ bản đồ số 21, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Năm 2010, bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất.

*Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang có quan điểm:* Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, thửa đất số 354 có diện tích 2.899,6m<sup>2</sup> (nhiều hơn 90,6m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 cho hộ ông Nguyễn Hữu Ng1); lý do chênh lệch là do sai số đo đạc. Diện tích đất tăng lên thuộc thửa đất nào thì chủ sử dụng đất có trách nhiệm đăng ký biến động với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Việc ông Đỗ Hồng Th1 là chủ sử dụng đất liền kề trình bày có cho ông Nguyễn Hữu Ng1 mức đất thuộc quyền sử dụng đất của ông Thái một hàng rào thì Ủy ban nhân dân xã Đ không biết, vì các hộ không làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân xã. Ngày 19/3/2013, ông Ng1 và ông B có thỏa Th và ghi Biên bản về xác định ranh giới theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được tách cho hai hộ theo Bản án hôn nhân gia đình của Tòa án nhân dân Bắc Giang, nhưng việc cắm mốc tại thực địa do các bên tự thực hiện.

*Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang có quan điểm:* Việc ông Đỗ Hồng Th1 cho ông Nguyễn Hữu Ng1 diện tích đất 01 hàng rào, không

xác định diện tích cụ thể, không làm thủ tục tặng cho tại cơ quan có thẩm quyền là không đúng quy định của pháp luật. Đối với diện tích 90,6m<sup>2</sup> đất tăng thêm so với diện tích ghi tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 354 cấp năm 2001 cho hộ ông Ng1, nếu diện tích đất tăng thêm không tranh chấp với các chủ sử dụng liền kề, hình thửa không thay đổi, là do sai số đo đạc địa chính, diện tích đất tăng thêm thuộc quyền sử dụng của chủ sử dụng đất.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T, anh Lương Thanh Th yêu cầu ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V trả 188m<sup>2</sup> đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 21, xã Đ.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Lương Thanh Th có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 63/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của anh Lương Thanh Th. Sửa bản án sơ thẩm:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nông Văn T, anh Lương Thanh Th: Buộc ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V phải tháo dỡ các công trình trên đất gồm: 27,6m<sup>2</sup> tường xây cay; 0,102m<sup>3</sup> cột bê tông và cây cối lâm lộc trên diện tích đất tranh chấp là 240,8m<sup>2</sup>. Trả lại 240,8m<sup>2</sup> đất tại thửa số 354, tờ bản đồ số 21, thôn Thái Hà, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho anh Nông Văn T, anh Lương Thanh Th sử dụng. Theo hình vẽ ABCDEF cụ thể: AB=40,2m; BC=39,20m; CD=39,95m; DE=16,68m; EF=10,38m và 8,47m; FA=0,8m (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, cấp phúc thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Lê Văn B có đơn đề nghị xem xét lại Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 33/2021/KN-DS ngày 16/8/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 63/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T với bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V

và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 63/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận một phần kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Thừa đất số 354 và thửa số 354<sup>1</sup>, tờ bản đồ số 21, xã Đ. huyện Y, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc chung một thửa số 354 của vợ chồng ông Nguyễn Hữu Ng1, bà Đào Thị B1, được Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 diện tích 2.913m<sup>2</sup> mang tên hộ ông Nguyễn Hữu Ng1. Tại Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã phân chia cho bà Đào Thị B1 diện tích 1.230m<sup>2</sup> đất (trong đó 200m<sup>2</sup> đất ở, 980m<sup>2</sup> đất vườn, 50m<sup>2</sup> đất hành lang); chia cho ông Nguyễn Hữu Ng1 diện tích còn lại là 1.683m<sup>2</sup> đất (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở, 1.433m<sup>2</sup> đất vườn, 50m<sup>2</sup> đất hành lang) có Sơ đồ phân chia đất.

[2] Sau khi ông Ng1, bà B1 đã được cơ quan thi hành án giao đất, do diện tích trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 của ông Ng1, bà B1 có sai sót về diện tích, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y phải chỉnh lý lại và thửa đất có tổng diện tích là 2.809m<sup>2</sup>. Phần diện tích 1.230m<sup>2</sup> bà B1 được chia đã tách thành thửa đất số 354<sup>1</sup> và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.192,5m<sup>2</sup> (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở, 992,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm và 37,5m<sup>2</sup> đất hành lang) mang tên bà Đào Thị B1 theo đúng số đo kích thước Sơ đồ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008; phần đất của ông Ng1 được chia còn lại diện tích là 1.579m<sup>2</sup> (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở, 1.351,5m<sup>2</sup> trồng cây lâu năm và 27,5m<sup>2</sup> đất hành lang). Như vậy, sau khi đã trừ đất hành lang, thửa đất số 354<sup>1</sup> của bà B1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 1.192,5m<sup>2</sup>; thửa đất số 354 của ông Ng1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.551,5m<sup>2</sup>.

Năm 2010, bà Đào Thị B1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 354<sup>1</sup> cho vợ chồng ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông B, bà Vân. Năm 2014, ông Nguyễn Hữu Ng1 chuyển

nhượng toàn bộ thửa đất số 354 cho anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Tuấn, anh Th.

[3] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2018 và Biên bản xác minh ngày 31/7/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp đo thực tế có diện tích là 240,8m<sup>2</sup>; thửa đất số 354 của anh Th, anh Tuấn tính cả phần đất tranh chấp có tổng diện tích đo thực tế là 1.763,2m<sup>2</sup>; thửa đất số 354<sup>1</sup> của ông B, bà V tính cả phần đất tranh chấp có tổng diện tích đo thực tế là 1.202,7m<sup>2</sup>.

Như vậy, thửa đất số 354 của anh Th, anh T tính cả phần đất tranh chấp có diện tích đo thực tế là nhiều hơn 211,7m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu không tính phần đất tranh chấp thì chỉ thiếu 29,1m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 354<sup>1</sup> của ông B, bà V không tính phần đất tranh chấp thực tế chỉ còn 961,9m<sup>2</sup> là thiếu 230,6m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu tính cả phần đất tranh chấp cũng chỉ nhiều hơn 10,2m<sup>2</sup> so với diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của anh Th, anh T yêu cầu ông B, bà V phải trả lại diện tích 188m<sup>2</sup> đất nhưng chưa xác minh tại cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y để làm rõ việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B1 có được đo đạc, xác định mốc giới cụ thể tại thực địa hay không là chưa đủ căn cứ vững chắc.

[4] Theo Sơ đồ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, phần diện tích đất chia cho bà B1 có tứ cận: Từ điểm tiếp giáp đất của anh Ng1 (phía có quán) kéo theo mép đường thôn vào là 7,5m (xác định là điểm A); từ điểm A kéo sâu vào đất về phía Tây Bắc là 40m (xác định là điểm B) điểm này cách ranh giới đất là 7m; từ điểm B kéo một đường thẳng sang phía Tây Nam đến ranh giới đất có chiều dài là 41m (xác định là điểm C); từ điểm C kéo theo đường ranh giới gấp khúc đất thổ cư của gia đình anh Ng1 cho đến đường liên thôn (xác định là điểm D) là các đoạn 9m + 4m + 22m + 33m. Đất của bà B1 có hình đa giác ABCD.

Theo Sơ đồ này, phần đất của bà B1 được xác định theo ranh giới các điểm ABCD, trong đó ranh giới từ điểm A đến điểm B thể hiện: Từ điểm A kéo sâu vào đất về phía Tây Bắc đi qua mép góc sân đến điểm B; từ điểm B kéo một đường thẳng đến điểm C; từ điểm C kéo theo đường ranh giới gấp khúc đến đường liên thôn là điểm D. Như vậy, phần đất theo ranh giới từ điểm A đi qua mép góc sân đến điểm B về phía ranh giới đất với ông Đỗ Hồng Th1 là đất ông

Ng1 (chuyển nhượng cho anh Th, anh T); còn phần đất phía trong ranh giới cạnh B-C (phía sau căn nhà bà B1 được chia) là đất của bà B1 (chuyển nhượng cho ông B, bà V). Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần diện tích đất thuộc phạm vi các điểm BCD (phần đất phía sau căn nhà bà B1 được chia) theo Sơ đồ thẩm định tại chỗ ngày 30/3/2018 thuộc quyền sử dụng của anh Th, anh T là không phù hợp với Sơ đồ Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 29/2008/PT-HNGĐ ngày 24/7/2008. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Lê Văn B, bà Lê Thị V phải tháo dỡ các công trình, cây cối trên đất để trả lại cho anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T toàn bộ diện tích 240,8m<sup>2</sup> đất là không có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 33/2021/KN-DS ngày 16/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 63/2018/DS-PT ngày 30/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn anh Lương Thanh Th, anh Nông Văn T với bị đơn ông Lê Văn B, bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: P.HCTP-VP, Phòng GDKTIII, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hồng Nam**